

CTCP Đầu tư Thương mại SMC

Ngày 30/09/2025	14,400 VNĐ		
Thay đổi	1 tháng	3 tháng	6 tháng
	14.7%	34.6%	100.8

DT thuần Q3/25
1,571
tỷ VNĐ
QoQ: ▼380 -19.5%
YoY: ▼706 -31.0%

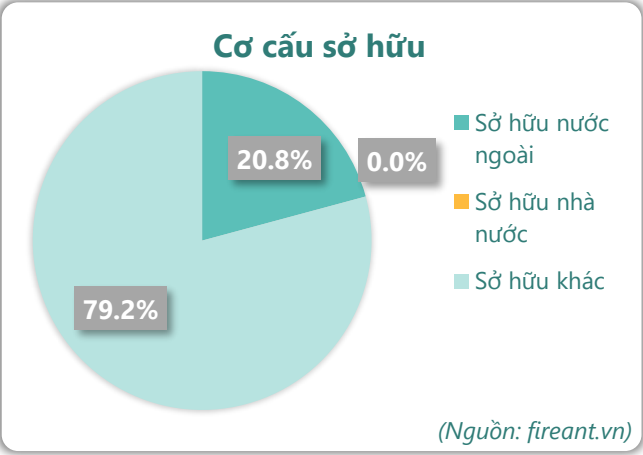
LN thuần Q3/25
-81.6
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 87.4 51.7%
YoY: ▼1.60 -2.0%

LN sau thuế Q3/25
-77.8
tỷ VNĐ
QoQ: ▲ 3.40 4.1%
YoY: ▲ 4.60 5.5%

Tỷ suất lãi EBIT Q3/25
-2.8%
YoY: +/-▼ 1.5%

ROE (TTM) Q3/25
-64.6%
YoY: +/-▼ 6.1%

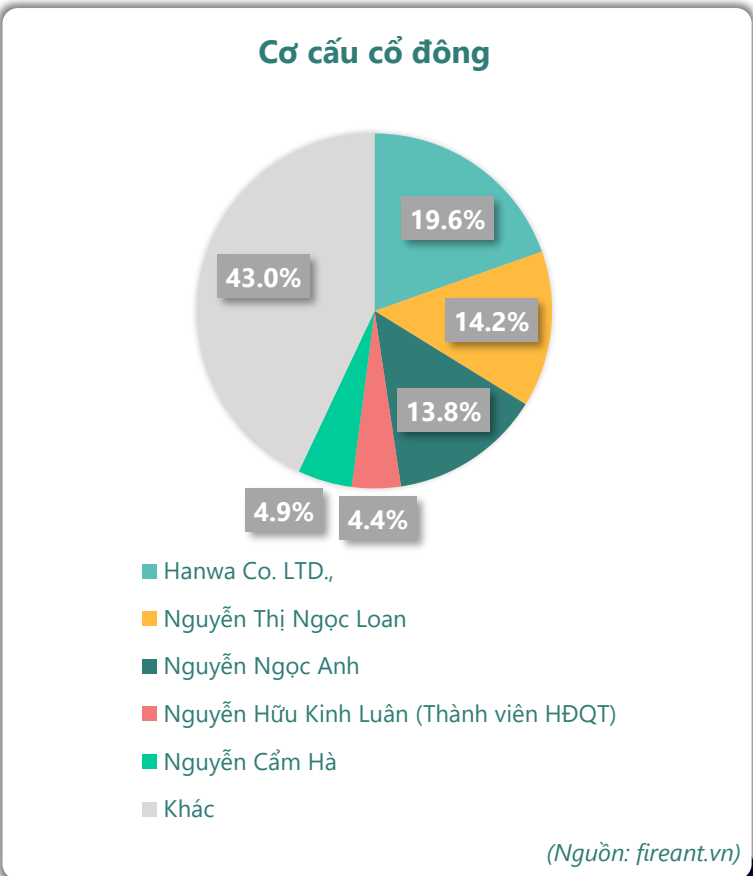
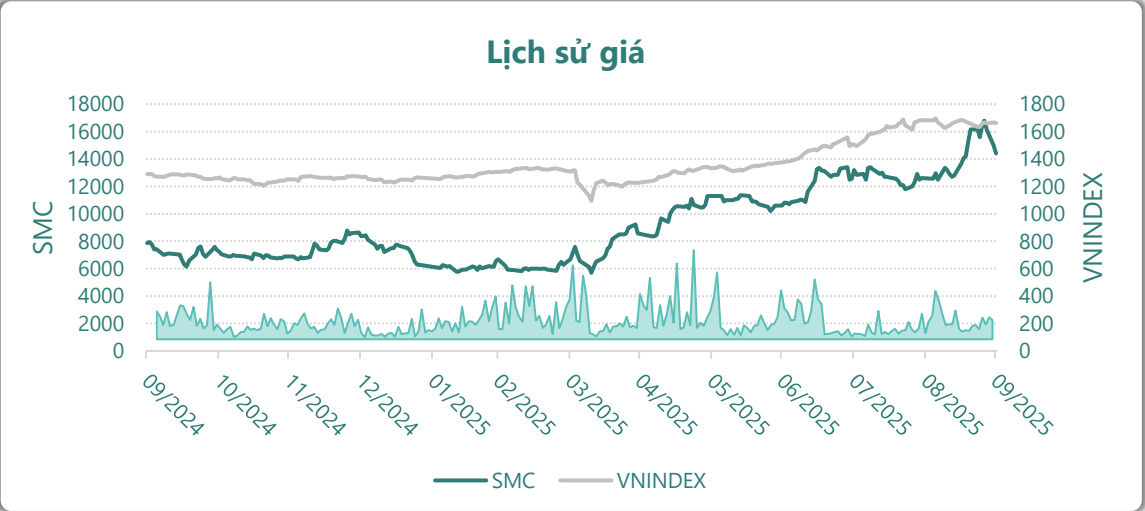
Sàn giao dịch	HSX
Khoảng giá 52 tuần	5,700 - 16,800
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	1,060
Số lượng CPLH (CP)	73,606,837
KLGD BQ 20 phiên (CP)	918,490
Sở hữu nước ngoài	20.8%
Beta	0.85
EPS	-6,385
P/E	-2.3



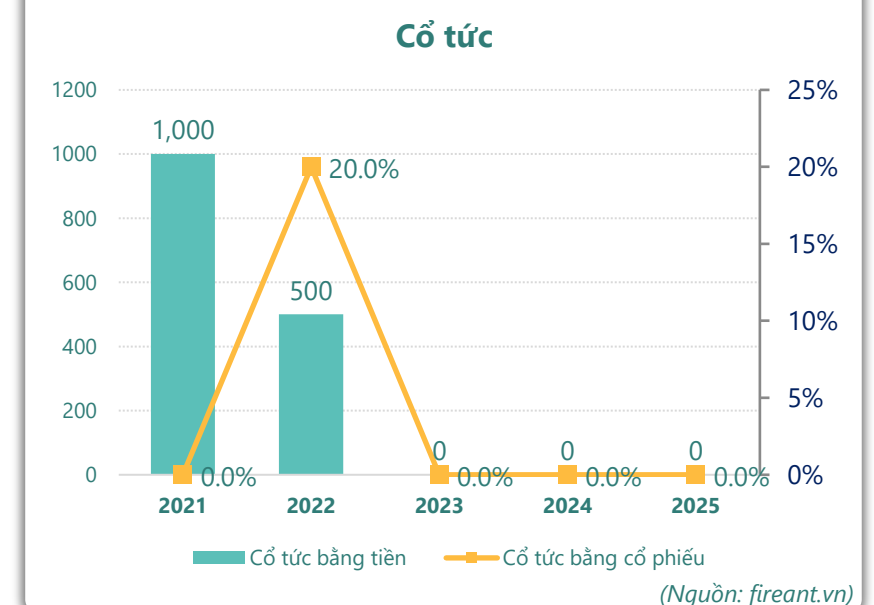
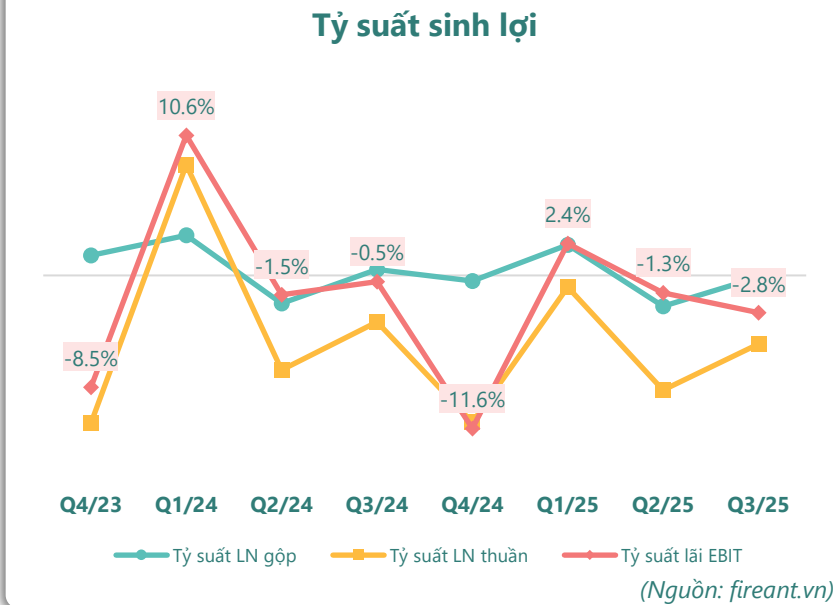
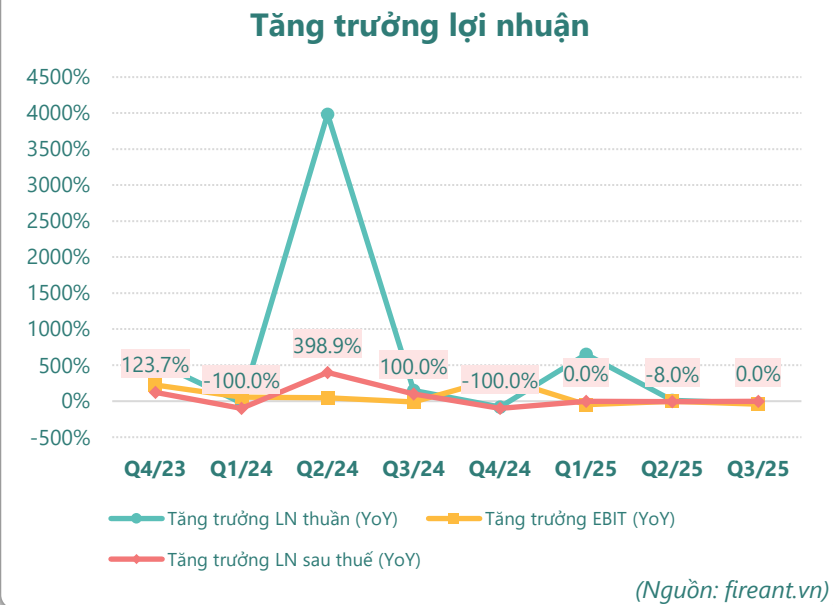
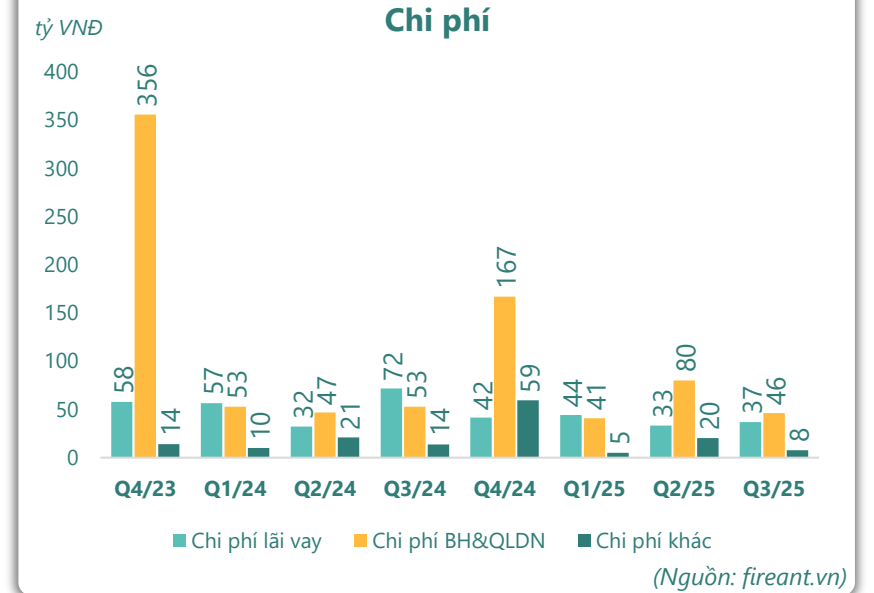
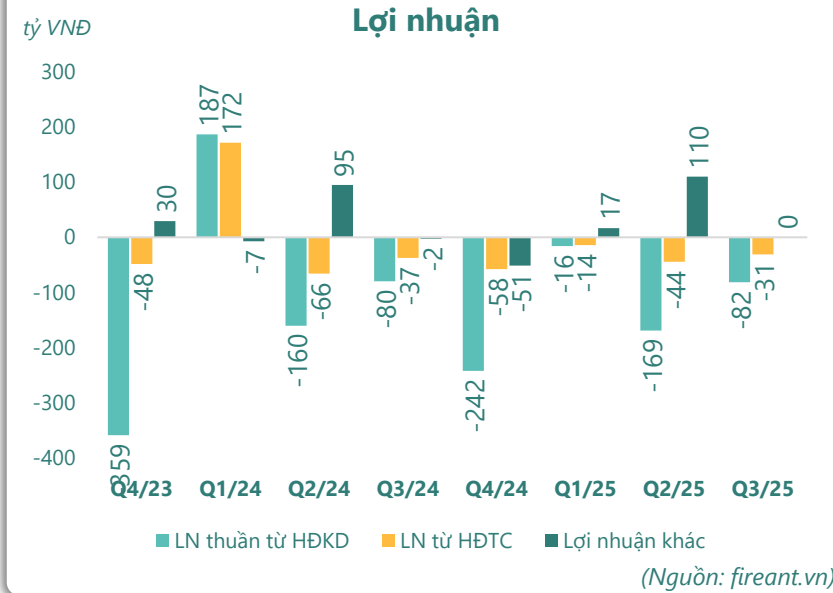
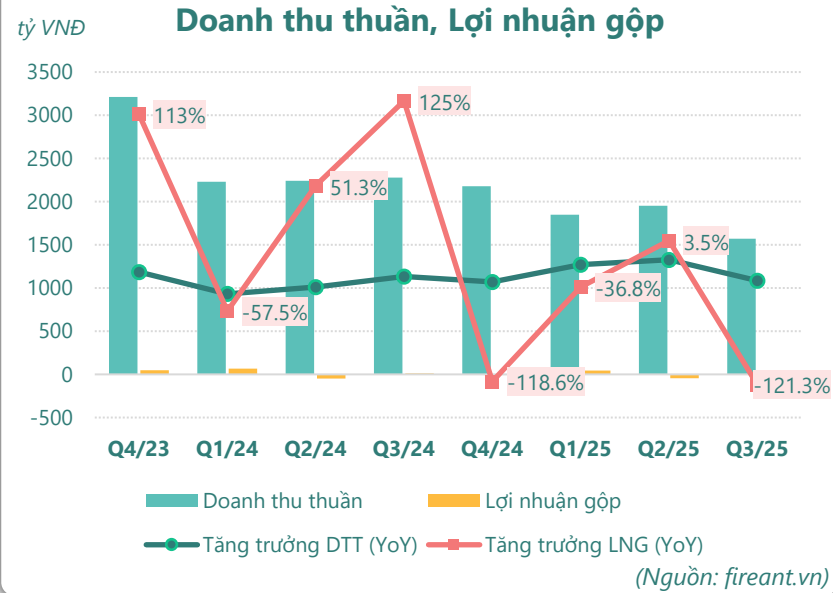
DT thuần 9T 2025
5,369
tỷ VNĐ
YoY: ▼1,378 -20.4%

LN thuần 9T 2025
-267
tỷ VNĐ
YoY: ▼213 -397%

LN sau thuế 9T 2025
-159
tỷ VNĐ
YoY: ▼166 -2437%



KẾT QUẢ KINH DOANH



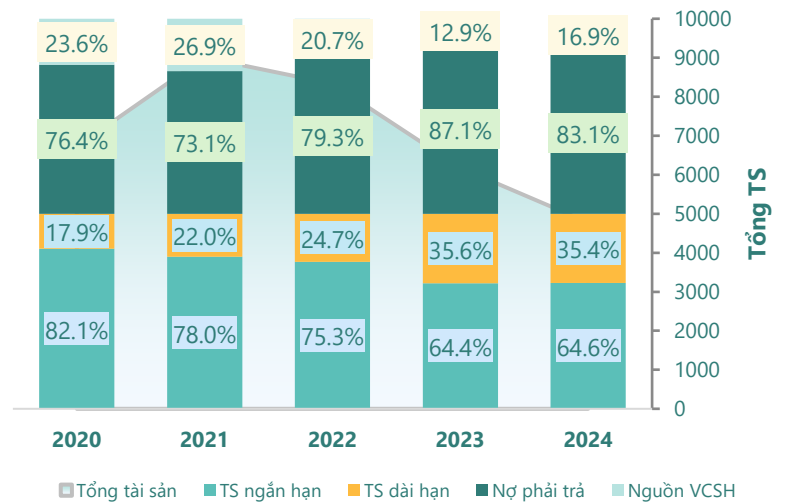


TÀI SẢN - NGUỒN VỐN

Cơ cấu Tổng tài sản

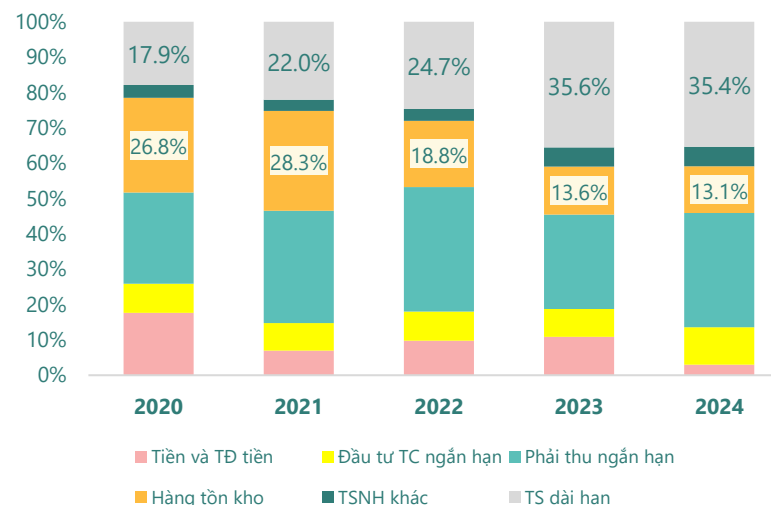
tỷ VNĐ

Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

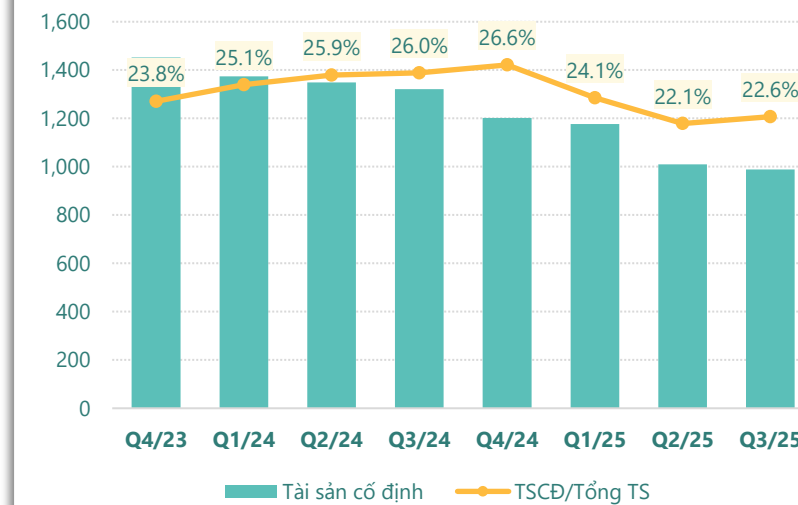
Cơ cấu TS ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản cố định

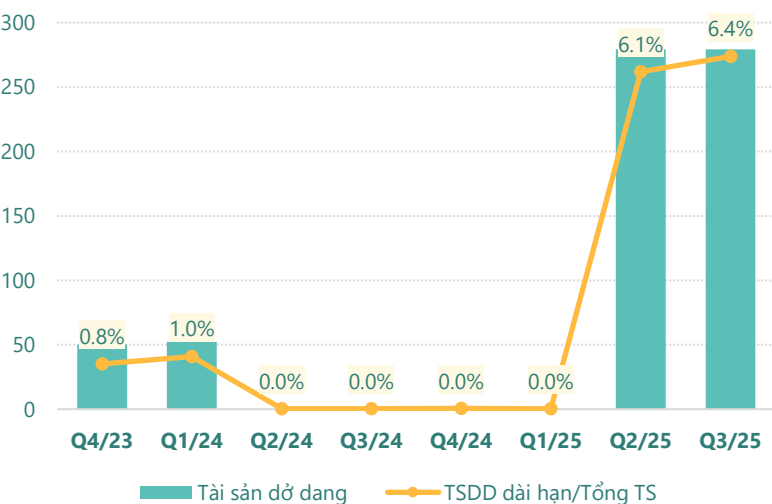
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Tài sản dở dang

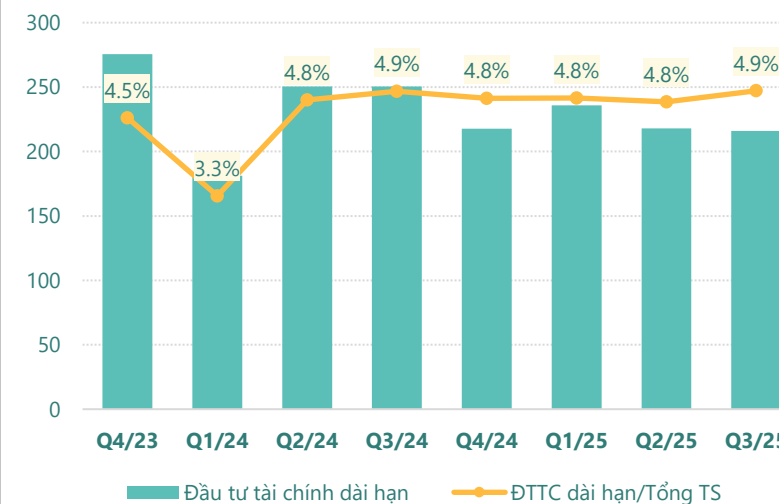
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Đầu tư tài chính dài hạn

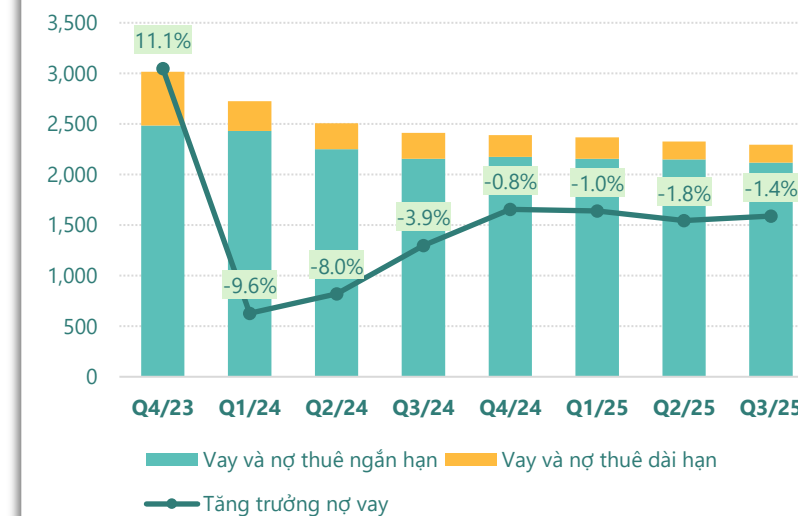
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)

Nợ vay

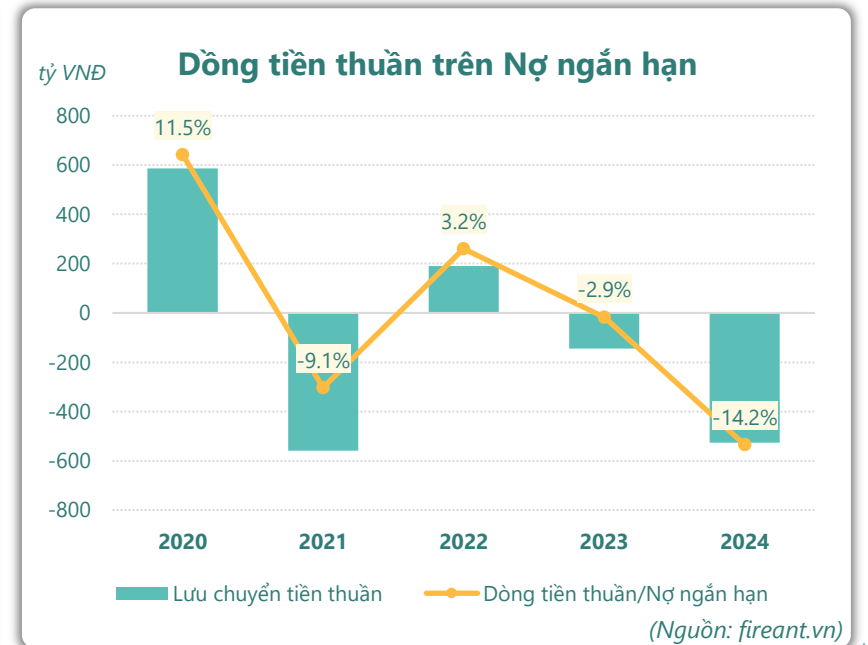
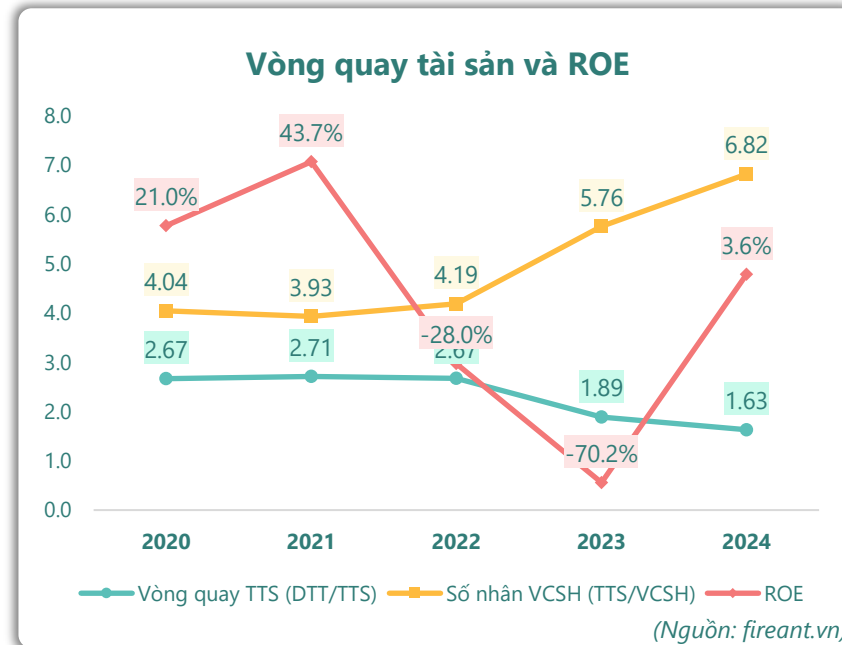
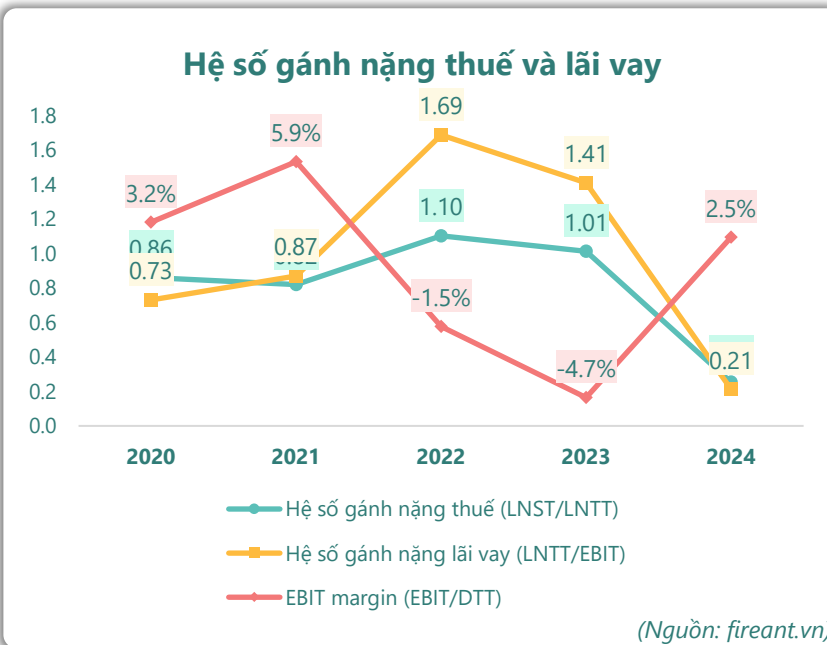
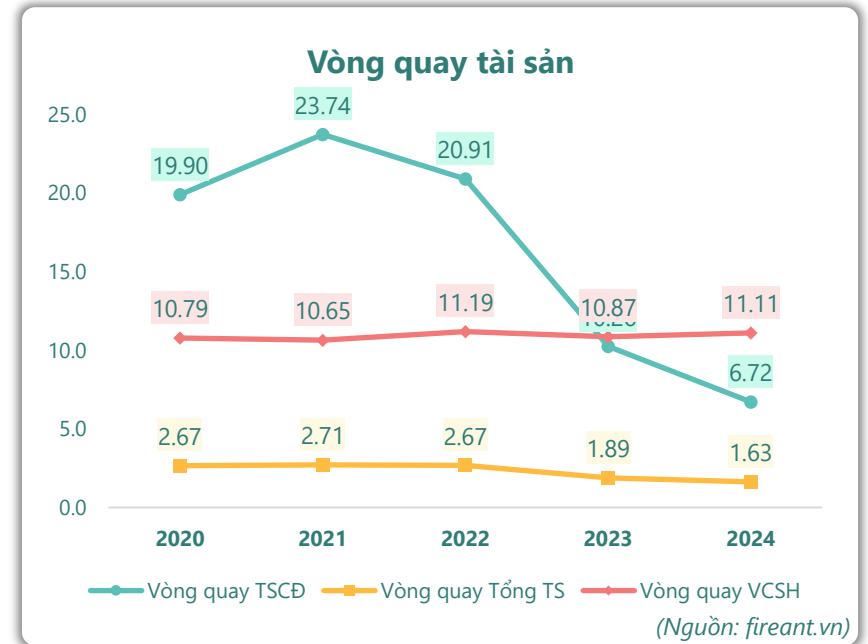
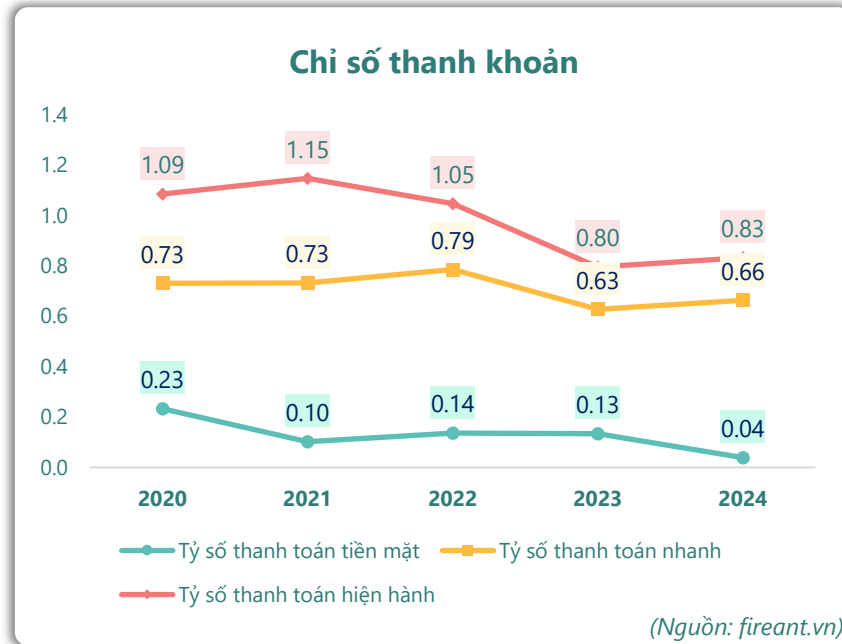
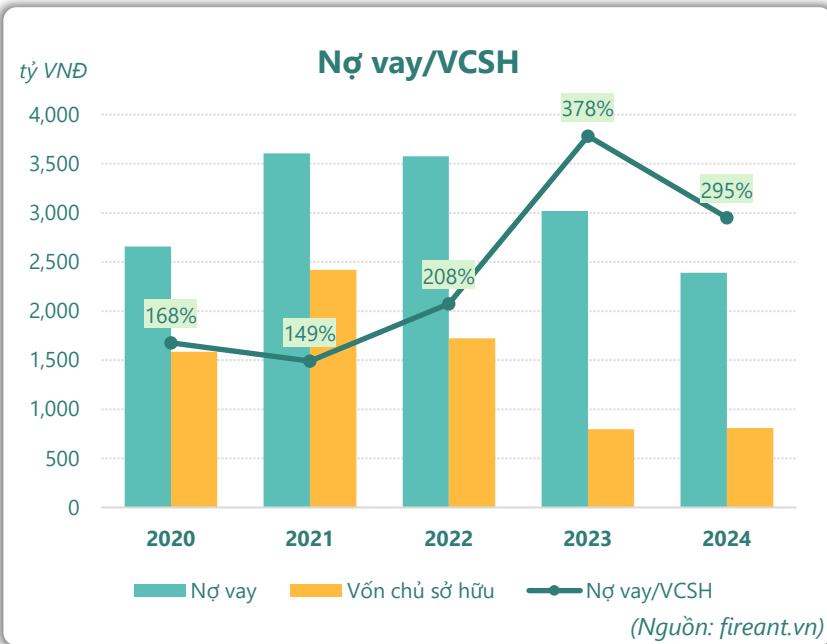
tỷ VNĐ



(Nguồn: fireant.vn)



HIỆU QUẢ HOẠT ĐỘNG



**KẾT QUẢ KINH DOANH**

(tỷ VNĐ)	Q3/25	Q3/24	Thay đổi YoY	9T 2025	9T 2024	Thay đổi YoY
Doanh thu thuần	1,571	2,277	-31.0%	5,369	6,747	-20.4%
Giá vốn hàng bán	1,573	2,266	-30.6%	5,374	6,716	-20.0%
Lợi nhuận gộp	-2.20	10.3	-121%	-4.96	30.8	-116%
Doanh thu HĐTC	5.87	10.3	-43.1%	21.2	237	-91.0%
Chi phí TC	37.0	47.8	-22.6%	111	168	-34.1%
Chi phí lãi vay	36.8	71.8	-48.7%	114	161	-28.9%
LN trong công ty LKLD	-1.90	0.00		-4.63	-0.32	-1359%
Chi phí bán hàng	16.6	24.1	-31.1%	53.4	72.3	-26.2%
Chi phí QLDN	29.7	28.8	3.2%	114	80.3	42.1%
LN thuần từ HĐKD	-81.6	-80.0	-2.0%	-267	-53.7	-397%
Lợi nhuận khác	0.39	-2.34	117%	127	85.7	48.4%
LN trước thuế	-81.2	-82.3	1.4%	-140	32.1	-535%
Lợi nhuận sau thuế	-77.8	-82.4	5.5%	-159	6.80	-2437%
LNST của CĐ cty mẹ	-76.1	-78.6	3.1%	-178	21.9	-915%

(Nguồn: fireant.vn)

Lưu chuyển tiền tệ

(tỷ VNĐ)	Q2/24	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Lưu chuyển tiền từ HĐKD	-443	1,092	-880	215	-345	150
Lưu chuyển tiền từ HĐĐT	98.7	158	152	-25.6	254	-117
Lưu chuyển tiền từ HĐTC	353	-1,377	714	-174	109	-24.3
Tiền đầu kỳ	277	285	159	143	159	177
Lưu chuyển tiền thuần	8.56	-126	-14.0	15.8	18.1	8.61
Ảnh hưởng tỷ giá	-0.87	-0.03	-0.03	0.32	-0.24	0.00
Tiền cuối kỳ	285	159	145	159	177	186

(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

(tỷ VNĐ)	Tại ngày 30/9/2025	Tại ngày 31/12/2024	Thay đổi
Tổng tài sản	4,371	4,778	-8.5%
Tài sản ngắn hạn	2,478	3,087	-19.7%
Tiền và tương đương tiền	186	143	29.7%
Đầu tư tài chính ngắn hạn	554	505	9.6%
Phải thu ngắn hạn	851	1,547	-45.0%
Hàng tồn kho	616	628	-1.9%
Tài sản ngắn hạn khác	271	264	2.8%
Tài sản dài hạn	1,893	1,692	11.9%
Phải thu dài hạn	189	34.4	449%
Tài sản cố định	989	1,206	-18.0%
Bất động sản đầu tư	6.21	6.48	-4.2%
Tài sản dở dang	279	0.61	45690%
Đầu tư tài chính dài hạn	216	218	-0.8%
Tài sản dài hạn khác	213	226	-5.5%
Lợi thế thương mại	0	0	
Nợ phải trả	3,720	3,968	-6.3%
Nợ ngắn hạn	3,500	3,709	-5.6%
Vay và nợ thuê ngắn hạn	2,116	2,173	-2.7%
Phải trả người bán ngắn hạn	1,283	1,421	-9.7%
Nợ dài hạn	220	259	-15.1%
Vay và nợ thuê dài hạn	178	217	-18.0%
Nguồn vốn chủ sở hữu	651	810	-19.6%
Vốn chủ sở hữu	651	810	-19.6%
Vốn điều lệ	737	737	0.0%
Kinh phí và quỹ khác	0	0	

(Nguồn: fireant.vn)

